

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 27/2022/HC-GĐT

Ngày 29/8/2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

**- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hà;

Các Thẩm phán: - Ông Phạm Quốc Hưng;

- Ông Nguyễn Biên Thùy;

- Ông Ngô Tiến Hùng;

- Bà Đào Thị Minh Thủy;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Hùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 29/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Võ L, sinh năm 1967;

Cư trú tại tổ 2, thôn TN, xã CT, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* Chị Đỗ Thị Phương T, sinh năm 1996; cư trú tại số 122 NTT, phường CP, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2020 của ông Võ L).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố HA, tỉnh Quảng Nam;

Địa chỉ: Số 09 THĐ, phường SP, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Thế H, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố HA, tỉnh Quảng Nam, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 3089/UBND ngày 24/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố HA).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1970;

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Lê Văn T1, sinh năm 1968, là người được ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 26/7/2019 của bà Đặng Thị H1);

Cùng trú tại số 132/3 đường LTK, phường SP, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam.

3.2. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1965;

3.3. Chị Võ Thị Bích T3, sinh năm 1994;

3.4. Chị Võ Thị Thanh T4, sinh năm 2002;

Cùng trú tại tổ 2, thôn TN, xã CT, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam.

3.5. Ủy ban nhân dân xã CT, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Hùng L1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CT, thành phố HA,

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 16/7/2019 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Võ L trình bày:*

Hộ gia đình ông Võ L là chủ sử dụng Thửa đất số 72, Tờ bản đồ số 15, diện tích 378,4 m<sup>2</sup> (hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ là Thửa đất số 311, Tờ bản đồ số 04, diện tích 240 m<sup>2</sup>) tại thôn TN, xã CT, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam. Nguồn gốc thửa đất trước đây là ao rau muống, không ai sử dụng; năm 1993 gia đình ông L đã khai hoang, thuê nhân công bồi đắp ao, lấp đất và được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã CT xác nhận gia đình ông sử dụng từ sau ngày 15-10-1993 đến trước ngày 01/7/2004. Năm 1998, gia đình ông xây một ngôi nhà cấp 4 để ở, tuy không có giấy phép xây dựng nhưng đã sử dụng từ trước đến nay không ai có ý kiến gì. Theo Hồ sơ đã đăng ký theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì thửa đất này do bà Đặng Thị H1 kê khai, nhưng theo Hồ sơ VN2000 thì do ông L kê khai. Năm 2017, ông L làm đơn đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD đất) đối với diện tích 378,4m<sup>2</sup> đất nêu trên nhưng UBND thành phố HA trả lời: Thửa đất số 311, Tờ bản đồ số 04, diện tích 240 m<sup>2</sup> đã được cấp GCNQSD đất cho bà Đặng Thị H1, nên không đồng ý cấp GCNQSD đất cho gia đình ông. Vì vậy, ông L đề nghị hủy GCNQSD đất số E0254351 ngày 19-10-1994, do UBND thị xã HA (nay là thành phố HA) cấp cho bà Đặng Thị H1 đối với Thửa đất số 311, Tờ bản đồ số 04, diện tích 240 m<sup>2</sup>.

*Người bị kiện UBND thành phố HA trình bày:*

- *Về nguồn gốc thửa đất:* Hồ sơ đã đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ: Diện tích 378,4m<sup>2</sup> đất tại Thửa đất số 72, Tờ bản đồ số 15, thôn TN, xã CT thuộc một phần diện tích của 03 thửa đất tại Tờ bản đồ số 07, xã CT gồm: Thửa đất số 79, diện tích 100 m<sup>2</sup> loại đất ao và Thửa đất số 80, diện tích 100 m<sup>2</sup>, loại đất màu do UBND xã CT quản lý và Thửa đất số 93, diện tích 960 m<sup>2</sup>, loại đất màu do ông Nguyễn N, ông Nguyễn D và ông Trần B (hay còn gọi là ông Trần Công B) kê khai, đăng ký.

Theo Hồ sơ đã đăng ký theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ

thì Thửa đất số 311, Tờ bản đồ số 04, diện tích 240 m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư, do bà Đặng Thị H1 kê khai, đăng ký. Hồ sơ đo mới VN2000 thì Thửa đất số 72, Tờ bản đồ số 15, diện tích 378,4m<sup>2</sup> loại đất ở và đất nông nghiệp do ông Võ L đăng ký.

- *Về Quá trình sử dụng đất:* Trước ngày 05-12-1994 (thời điểm công nhận hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP tại xã Cẩm Thanh) thì Thửa đất số 93, Tờ bản đồ số 7 (hồ sơ 299/TTg) được ông Nguyễn N, ông Nguyễn D và ông Trần Công B sử dụng để sản xuất.

Tại thời điểm đăng ký theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, thì ông Trần Công B kê khai, đăng ký và sử dụng Thửa đất số 310, Tờ bản đồ số 04, diện tích 670 m<sup>2</sup> (một phần của Thửa đất số 93, diện tích 960 m<sup>2</sup>, loại đất màu theo hồ sơ đã đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg).

Ông Nguyễn N và ông Nguyễn D không tiếp tục sử dụng phần diện tích đất còn lại của Thửa đất số 93, diện tích 960 m<sup>2</sup> loại đất màu (theo hồ sơ đã đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ) nên bà Nguyễn Thị T5 (hộ sử dụng đất lân cận) sử dụng, canh tác tại vị trí đất này. Năm 1994, ông Võ L lập gia đình và sử dụng Thửa đất số 312 để canh tác (cạnh Thửa đất số 311 mà bà Đặng Thị H1 được cấp GCNQSD đất). Khi ông Võ L làm nhà ở và mở rộng thì lấn sang Thửa đất số 311 của bà H1 và một phần Thửa đất số 309. Theo hồ sơ đo đạc VN2000, thửa đất của ông Võ L hiện nay sử dụng là Thửa đất số 72, Tờ bản đồ số 15, diện tích 378,4 m<sup>2</sup>, tức là bao trùm lên Thửa đất số 311, diện tích 240 m<sup>2</sup>; Thửa đất số 312, diện tích 64 m<sup>2</sup> và một phần Thửa đất số 309, diện tích 220 m<sup>2</sup>.

Năm 1994, bà Đặng Thị H1 có đơn xin cấp GCNQSD đất. Theo sổ cấp GCNQSD đất thì Thửa đất số 311, Tờ bản đồ số 04, diện tích 240 m<sup>2</sup> đứng tên hộ bà Đặng Thị H1, được UBND thị xã HA cấp GCNQSD đất số E0254351 ngày 19/10/1994. Tuy nhiên, GCNQSD đất này đã thất lạc, hiện nay không có hồ sơ lưu mà chỉ có 01 Đơn xin cấp GCNQSD đất của bà Đặng Thị H1 năm 1994 (chưa có cơ quan Nhà nước nào xác nhận). Sau đó, bà Đặng Thị H1 chuyển nơi cư trú khi thủ tục xin cấp GCNQSD đất chưa hoàn thành. Bà Đặng Thị H1 không quản lý, sử dụng đối với Thửa đất số 311, từ thời điểm có đơn xin cấp GCNQSD đất đến nay. Theo Sổ cấp GCNQSD đất thì diện tích đất này đã cấp GCNQSD đất cho bà Đặng Thị H1, nhưng UBND xã CT chưa bàn giao cho bà H1, hiện nay không thể xác minh sự tồn tại của GCNQSD đất này để xem xét tính hợp pháp. Do đó, việc ông Võ L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSD đất số E0254351 ngày 19/10/1994, do UBND thị xã HA cấp cho bà Đặng Thị H1 đối với Thửa đất số 311, Tờ bản đồ số 04, diện tích 240 m<sup>2</sup>, xã CT là không có cơ sở.

*Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 28/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị H1 trình bày:*

Thửa đất số 311, Tờ bản đồ số 04, xã CT có chủ sử dụng đất hợp pháp là bà vì bà đã được UBND thành phố HA cấp GCNQSD đất trên cơ sở kê khai theo hồ sơ Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Tuy nhiên, UBND thị xã HA không giao GCNQSD đất trên cho bà và UBND xã CT xác nhận nguồn gốc sử dụng thửa đất nêu trên là do ông Võ L khai hoang là không đúng. Hiện nay, bà

vẫn chưa được nhận GCNQSD đất, nên bà yêu cầu Tòa án:

- Buộc UBND thành phố HA thực hiện hành vi hành chính giao GCNQSD đất số E0254351 ngày 19/10/1994, do UBND thị xã HA (nay là thành phố HA) cấp cho bà đối với Thửa đất số 311, Tờ bản đồ số 04, diện tích 240 m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư.

- Hủy Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 21/3/2009 của UBND xã CT, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã CT trình bày:*

Ngày 27/4/2018, UBND xã CT có mời bà Đặng Thị H1 đến làm việc, nhưng bà H1 không đến. Ông Lê Văn T1 (tức ông Nguyễn Lê Văn T1) là chồng bà H1 thừa nhận từ năm 1992 đến nay bà H1 không có đơn và cũng không liên hệ với UBND xã CT về việc cấp GCNQSDĐ cho mình và từ thời điểm đó đến nay, bà H1 cũng không sinh sống tại địa phương. Năm 1998, ông Võ L làm nhà, nhưng bà H1 cũng không đến khu đất để yêu cầu bảo vệ quyền lợi của mình. Sau này, UBND xã CT mời bà H1 (lần thứ ba) bà H1 mới đến. Bản thân bà H1 không biết việc UBND thị xã HA cấp GCNQSD đất cho bà H1. Ông Võ L là người sử dụng ổn định, có công tôn tạo đất và đã xây dựng các công trình trên đất. Do đó, UBND xã CT đã có Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 21/3/2009 cho ông Võ L..

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2019/HC-ST ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

*“1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ L về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0254351 do Ủy ban nhân dân thị xã HA (nay là thành phố HA) cấp ngày 19/10/1994 đối với Thửa đất số 311, Tờ bản đồ số 04, diện tích 240 m<sup>2</sup>, đứng tên hộ bà Đặng Thị H1.*

*2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị H1 về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố HA thực hiện hành vi hành chính giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0254351 do Ủy ban nhân dân thị xã HA (nay là thành phố HA) cấp ngày 19/10/1994 đối với Thửa đất số 311, Tờ bản đồ số 04, diện tích 240 m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư cho bà Đặng Thị H1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị H1 về việc hủy giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 21/3/2009 của Ủy ban nhân dân xã CT”.*

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/12/2019, ông Võ L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 197/2020/HC-PT ngày 27/9/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

*“Bác kháng cáo của ông Võ L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2019/HC-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam”.*

Ngày 10/11/2020, ông Võ L có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/2022/KN-HC ngày 13/7/2022, Chánh án nhân dân tối cao quyết định: Kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 197/2020/HC-PT ngày 27/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 197/2020/HC-PT ngày 27/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Ngày 16/7/2019, ông Võ L khởi kiện cho rằng ông quản lý, sử dụng Thửa đất số 311, Tờ bản đồ số 04, diện tích 240 m<sup>2</sup> đất (nay là một phần Thửa đất số 72, Tờ bản đồ số 15, diện tích 378,4 m<sup>2</sup> đất) tại thôn TN, xã CT, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam từ năm 1993. Quá trình sử dụng ông thuê nhân công bồi đắp ao, lấp đất; năm 1998, ông xây nhà cấp 4 để ở (không giấy phép) nhưng không ai có ý kiến gì; năm 2000, ông kê khai và có tên trong sổ địa chính VN2000 là Thửa đất số 72, Tờ bản đồ số 15, diện tích 378,4 m<sup>2</sup> đất. Ngày 21/3/2019, ông được UBND xã CT xác nhận ông sử dụng phần đất này từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004. Năm 2017, ông làm đơn đề nghị cấp GCNQSD đất thì được biết UBND thị xã HA (nay là thành phố HA) đã cấp GCNQSD đất số E0254351 ngày 19/10/1994 đối với thửa đất này cho bà Đặng Thị H1 nên ông yêu cầu Tòa án hủy GCNQSD đất mà UBND thị xã HA đã cấp cho bà H1. Do UBND thành phố HA chưa giao GCNQSD đất nêu trên cho bà H1, nên ngày 28/10/2019, bà H1 có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu UBND thành phố HA thực hiện hành vi giao GCNQSD đất cho bà và hủy Giấy xác nhận của UBND xã CT ngày 21/3/2019.

[2] UBND thành phố HA cho rằng thửa đất bà Hường được cấp GCNQSD đất có nguồn gốc thuộc một phần diện tích của 03 thửa đất tại Tờ bản đồ số 07, xã CT gồm: Thửa đất số 79, diện tích 100 m<sup>2</sup> loại đất ao; Thửa đất số 80, diện tích 100 m<sup>2</sup>, loại đất màu do UBND xã CT quản lý và Thửa đất số 93, diện tích 960 m<sup>2</sup>, loại đất màu do ông Nguyễn N, ông Nguyễn D và ông Trần B (tên gọi khác ông Trần Công B) kê khai, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Tại Hồ sơ đăng ký theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì bà H1 kê khai, đăng ký, nhưng bà H1 không có văn bản giao đất nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. UBND thành phố HA không cung cấp được hồ sơ đăng ký cấp GCNQSD đất và GCNQSD đất cấp cho bà H1, chỉ có 01 Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ghi tên chủ hộ là bà Đặng Thị H1, cùng với ông Lê Văn T1 nhưng chủ hộ ký tên là bà Đặng Thị Đ (không ghi ngày tháng), không có xác nhận của UBND xã CT.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Lê Văn T1 (chồng bà H1) thừa nhận việc đăng ký, kê khai theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ là do

bà Đặng Thị Đ (mẹ ông T1) kê khai, chữ ký tại đơn xin cấp GCNQSD đất là do bà Đ ký tên, không phải chữ ký của bà H1; gia đình chỉ làm đơn xin, không biết nhà nước có cho hay không nên có biết ông L sử dụng đất nhưng không ý kiến gì; sau khi có đơn xin giao đất thì bà H1 đi làm ăn xa và đến nay vẫn chưa nhận được quyết định giao đất.

[4] Tại Báo cáo số 66/BC-UBND ngày 15/6/2018 của UBND xã CT có nội dung: Ngày 27/4/2018, UBND xã CT có mời bà H1 đến UBND xã CT để thống nhất quyền lợi của bà H1 đối với thửa đất nêu trên, tuy nhiên bà H1 không tham dự mà ông T1 dự “*Tại buổi họp ông T1 thừa nhận từ khi xin đơn cấp GCNQSD đất năm 1992 đến nay đã không có đơn hay đến UBND xã CT để hỏi thăm về việc cấp đất của mình và bà H1 cũng không cư trú tại địa phương từ đó đến nay*”.

[5]. Như vậy, có cơ sở xác định bà H1 không làm đơn đề nghị cấp GCNQSD đất, cơ quan có thẩm quyền không tiến hành thẩm tra, đo đạc để xác định hiện trạng thửa đất khi tiến hành các thủ tục cấp GCNQSD đất là sai về thủ tục cấp; tại thời điểm cấp GCNQSD đất thì bà H1 không sử dụng thửa đất trên, khi thủ tục cấp GCNQSD đất chưa hoàn thành bà H1 đã chuyển đi nơi khác sinh sống nên theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 quy định về điều kiện cấp GCNQSD đất và Điều 3 Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1994 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp thì trường hợp của bà H1 không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất. UBND thị xã HA (nay là thành phố HA) cấp GCNQSD đất cho bà H1 là không đúng. Ông Võ L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSD đất số E0254351, ngày 19/10/1994 do UBND thị xã HA cấp cho bà H1 là có căn cứ.

[6]. Theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật Đất đai năm 2003 thì việc xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất chỉ là một trong các điều kiện để được cấp GCNQSD đất. Việc UBND xã CT xác nhận nguồn gốc đất cho ông L chỉ là một trong các điều kiện để cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp GCNQSD đất cho ông L chứ ông L chưa được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Vì vậy, Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 21/3/2009 của UBND xã CT không được coi là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

[7]. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm nhận định ông L sử dụng diện tích 240 m<sup>2</sup> đất mà bà H1 đã được cấp GCNQSD đất là vi phạm pháp luật về đất đai vì thời điểm ông L sử dụng đất được xác định sớm nhất là năm 1994 và làm nhà ở chưa đến 100 m<sup>2</sup> từ năm 1998, nhưng bà H1 đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và có đơn xin cấp GCNQSD đất từ trước năm 1994 nên không có cơ sở để hủy GCNQSD đất đã cấp cho bà H1; từ đó quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ L, đồng thời chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H1 về việc buộc UBND thành phố HA thực hiện hành vi hành chính giao GCNQSD đất số E0254351 do UBND thị xã HA cấp ngày 19/10/1994 đối với Thửa đất số 311, Tờ bản đồ số 4 cho bà H1 và hủy Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 21/3/2009 của UBND xã CT là không đúng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266; Điều 271; khoản 3 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/2022/KN-HC ngày 13/7/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 197/2020/HC-PT ngày 27/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 197/2020/HC-PT ngày 27/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TANDCC tại Đà Nẵng (kèm hồ sơ vụ án);
- TAND tỉnh Quảng Nam (để biết);
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam (để biết);
- VKSND tỉnh Quảng Nam (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GDKT III (2), VP (TANDTC),  
Vụ PC&QLKH (TANDTC), Thư ký Thẩm phán,  
HSVA, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hồng Hà**